

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 153/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Bền
- Ông Tạ Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2024/TB-TLVA ngày 22 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Cẩm N**, sinh năm 1972

Địa chỉ: số F khu phố G, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1985

Địa chỉ: số F khu phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 29 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc S chung sống với nhau từ năm

2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Anh chị chung sống không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

* Tại Bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Ngọc S trình bày: Anh chị thuận tình ly hôn vì đã ly thân nhau trên 14 năm. Con chung, nhà cửa và tài sản thì không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm N và bị đơn anh Nguyễn Ngọc S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Lê Thị Cẩm N và anh Nguyễn Ngọc S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2006 ngày 26/9/2006. Như vậy, chị N và anh S có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ vào các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Cẩm N và anh Nguyễn Ngọc S là hợp pháp.

[2.1.2] Chị N yêu cầu ly hôn với anh S vì cho rằng giữa chị N và anh S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2010 nguyên nhân do chị N và anh S bất đồng quan điểm sống, chị N và anh S đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Anh S cũng đồng ý ly hôn với chị N. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy,

giữa chị N và anh S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh S thống nhất không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh S thống nhất không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Lê Thị Cẩm N phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm N.
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.
 - Về con chung: không có.
 - Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Lê Thị Cẩm N đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0011150 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h.CT - TG;
- UBND Tt. Tân Hiệp – CT – TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Trúc